

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Đình Cảnh

Ông Bùi Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thu H, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/7/2020 và bản tự khai ngày 03/8/2020, chị H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Bùi Văn Đ thời gian năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5/2019 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh Đ mãi chơi điện tử, không có trách nhiệm đến vợ con. Anh Đ và gia đình đối xử với chị không công bằng. Vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị cố gắng sống chịu đựng, nhiều lần khuyên giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 01/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 01 con là Bùi Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2019, hiện đang do anh Đ nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn Đ trình bày tại bản tự khai ngày 05/8/2020: Thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2019 do phong cách sống không phù hợp, chị H đối xử với gia đình anh không đúng mực, không có trách nhiệm đến chồng con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù anh và gia đình đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 12/2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh thừa nhận mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, nhưng anh xin đoàn tụ với chị H để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 01 con là Bùi Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2019, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 01/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Anh Đ cũng thừa nhận mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại. Nay chị H xin ly hôn, anh Đ xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

3. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2019, hiện đang do anh Đ nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất: Giao cháu Quỳnh A cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp; cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2019 cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H tự nguyện kết hôn với anh Đ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ tháng 5/2019 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh Đ mãi chơi điện tử, chị H chung sống cùng gia đình anh Đ không hòa thuận. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 01/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, còn anh Đ xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại UBND xã Đ, thôn Đ1 đều cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 5/2019 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận; Nên xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2019 hiện đang do anh Đ nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất giao cháu Quỳnh A cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu H được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 04/4/2019 cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng),

thời gian từ tháng 9 năm 2020 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Đ cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0008943 ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền